

Bản án số: 06/2020/HS-ST

Ngày 18 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lục Văn Chằng

+ Bà Dương Thị Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Ông Tráng Seo Sứ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS, ngày 17 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Giàng A L, tên gọi khác: Không; Giới tính Nam; sinh ngày 20 tháng 8 năm 1993, tại huyện S, tỉnh Lào Cai.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng A Ph (đã chết) và bà: Thào Thị D; Vợ là: Cù Thị S; Bị cáo có 01 con sinh năm 2015;

Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa có án tích; chưa bị xử lý hành chính, chưa bị kỷ luật; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08 tháng 02 năm 2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Hà - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng A L: Bà Liệu Thị Nga - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Bị hại: Chị Vàng Thị S - Sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn N B, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Giàng A V - Sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đầu năm 2009, Giàng A L gặp, quen biết Vàng Thị S sinh năm 1992, trú tại thôn N B, xã N, huyện B. Ly xin được số điện thoại của gia đình S. Sau đó, L đi sang Trung Quốc làm thuê, quen một người đàn ông dân tộc Mông Trung Quốc tên S1, S1 có nói với L về Việt Nam tìm con gái đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền, L đồng ý. Thời gian làm thuê bên Trung Quốc, L thường xuyên gọi điện nói chuyện và có vài lần về gặp S. Ngày 18 tháng 11 năm 2009, L mượn xe mô tô Win, màu đen, không nhớ biển kiểm soát của một người bạn làm thuê cùng, tên D (không rõ

lại lịch cụ thể) nhà ở tỉnh Điện Biên, một mình đi về gặp S. Khi đến trung tâm thị trấn Bắc Hà, Ly vào trạm điện thoại công cộng gọi và hẹn gặp S. Khoảng 20 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô đến cổng nhà S, chở S đi chơi quanh thị trấn Bắc Hà, rồi chở xuống xã Bảo Nhai. S đòi về nhà thì L nảy sinh ý định lừa bán S sang Trung Quốc. L nói muốn lấy S làm vợ, không thấy S nói gì, biết là đã lừa được S, L điều khiển xe mô tô chở S đi thẳng đến địa phận thôn C, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai. L để xe cạnh đường rồi đưa S đi bộ theo lối mòn xuống suối Pạc Trì, đi qua cầu tạm được ghép bằng hai cây gỗ sang Trung Quốc gặp S1. L giới thiệu S1 là cậu để S tin. L nói với S1 đã lừa được S sang rồi, S1 lấy xe mô tô chở L và S đi sâu vào nội địa Trung Quốc. Trên đường đi S1 gọi điện, trao đổi bằng tiếng Trung Quốc, S và L không hiểu nội dung gì. Đến sáng ngày 19/11/2009 thì đến đường cao tốc thấy có một xe ô tô chờ sẵn, S1 nói chuyện với lái xe rồi cùng L đưa S lên xe ô tô, còn S1 và L quay về đến biên giới. S1 nói bán S được 4.000 CNY và chia cho L 2.500 CNY, L đổi sang tiền Việt Nam được khoảng 7 triệu đến 8 triệu đồng và sử dụng số tiền đó tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 27 tháng 12 năm 2019 Vàng Thị S trốn được về Việt Nam và làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của Giàng A L. Quá trình điều tra, Giàng A L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKST- BH, ngày 15/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà truy tố bị cáo Giàng A L về tội: “Mua bán người” theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa :

- Bị cáo Giàng A L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã tóm tắt ở trên. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai luận tội bị cáo, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Giàng A L phạm tội: “Mua bán người”. Trong đó:

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Giàng A L từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu của Giàng A L số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), do bị cáo phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

-Người bào chữa cho bị cáo Giàng A L trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai về tội danh đã truy tố, nhưng không nhất trí với điều luật áp dụng để truy tố đối với bị cáo. Đồng thời phân tích, đánh giá nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 98; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo Giàng A L được hưởng mức án 03 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về phần dân sự không đề nghị giải quyết.

- Bị hại chị Vàng Thị S đề nghị Hội đồng xét xử xử lý thật nghiêm đối với bị cáo. Về phần dân sự không đề nghị giải quyết.

-Anh Giàng A V (là anh trai) của bị cáo L vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra anh đã bỏ số tiền 30.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại S. Anh không yêu cầu bị cáo L phải trả số tiền đó cho anh.

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Giàng A L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã được tóm tắt ở phần trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về gia đình và hoà nhập cộng đồng. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Tháng 11 năm 2009, bị cáo Giàng A L đã có hành vi lừa bán chị Vàng Thị S sang Trung Quốc với mục đích lấy tiền tiêu sài cá nhân. Do vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành của tội "*Mua bán người*" với tình tiết định khung "*Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam*". Nên, bị cáo bị Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Hà khởi tố và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà truy tố bị cáo về tội: "Mua bán người" là đúng với quy định của pháp luật.

Nhưng do hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra từ tháng 11 năm 2009 đây là thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 vẫn đang có hiệu lực. Theo quy định tại khoản 2 Điều 119 của Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 20 năm tù, còn theo quy định tại khoản 2 Điều 150 của Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 08 năm đến 15 năm là nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999. Nên áp dụng có lợi cho bị cáo theo khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH, ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Do đó, khoản 2 Điều 150 của Bộ luật hình sự năm 2015 là điều luật có lợi cho người phạm tội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo chỉ cần áp dụng trên mức khởi điểm của khung hình phạt tại thời điểm xảy ra sự việc. Do vậy, cần áp dụng điểm d khoản 2 Điều 119 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất mức độ hành vi, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Trục tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người, coi con người như hàng hoá để mua bán. Bị cáo nhận thức được việc mua bán người là vi phạm pháp luật, nhưng vì tư lợi cá nhân và lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của bị hại, nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Do đó, phải xử phạt bị cáo nghiêm minh và tuyên mức án tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét thấy, bị cáo Giàng A L sau khi phạm tội quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động đến gia đình đã đứng ra thỏa thuận để bồi thường cho người bị hại, bị hại đã nhận được số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Thời điểm tháng 11 năm 2009 bị cáo Giàng A L thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Do vậy, cần áp dụng khoản 1, 6 Điều 91; khoản 4 Điều 98; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 8/4/2020 bị hại Vàng Thị S đã nhận được số tiền bồi thường là: 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), do anh Giàng A V (là anh trai) của bị cáo L đã tự nguyện nộp để bồi thường cho người bị hại. Anh V không yêu cầu bị cáo L phải hoàn trả, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Đối với người đàn ông Trung Quốc có tên là S1. Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lý lịch, nên không đề cập xử lý.

[7]. Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận. Sau khi bán chị S được S1 chia cho L 2500 CNY tiền Trung , bị cáo đã đổi ra tiền Việt được 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), bị cáo đã sử dụng số tiền đó tiêu sài cá nhân hết. Đây là số tiền do phạm tội mà có, nên cần truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô Win màu đen không nhớ biển số mà bị cáo L đã mượn của một người có tên là D (không rõ lai lịch cụ thể). Quá trình điều tra không thu giữ được để xử lý trong vụ án này. Nên không đề cập xử lý.

[8]. Những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội của Kiểm sát viên; bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều phù hợp. Về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về mức hình phạt mà người bào chữa đề nghị là thấp, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Giàng A L phạm tội: “Mua bán người”.

-Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 119 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 6 Điều 91; khoản 4 Điều 98; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Giàng A L 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 08 tháng 02 năm 2020.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo Giàng A L số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), do phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Giàng A L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo Bản án: Bị cáo; người bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà;
- CQCSĐT CA huyện Bắc Hà;
- CQTHAHS CA huyện Bắc Hà;
- Sở tư pháp tỉnh Lào Cai;
- PC 81 Công an tỉnh Lào Cai;
- Phòng HSNV CA tỉnh Lào Cai;
- Trại giam;
- Bị cáo; Người BC; Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- THA HS;
- CCTHADS;
- Lưu HS; TA; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thọ

